

**KHÁCH HÀNG CHUẨN**
**KHÁCH HÀNG PWM**
**1. TÀI KHOẢN**

|                                                                                                                                  |                                                      |                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Mở tài khoản thông thường                                                                                                        | Miễn phí                                             | Miễn phí                                               |
| Mở tài khoản với dịch vụ Số Tài Khoản May Mắn                                                                                    |                                                      |                                                        |
| + Theo định dạng mặc định của Ngân hàng (chọn tối đa 6 số cuối/12 số)                                                            |                                                      |                                                        |
| * Số Thịnh Vượng                                                                                                                 | 3.300.000 VNĐ                                        | 3.300.000 VNĐ                                          |
| * Số Sinh nhật                                                                                                                   | 330.000 VNĐ                                          | Miễn phí                                               |
| * Số theo yêu cầu khác                                                                                                           | 550.000VNĐ                                           | Miễn phí                                               |
| + Theo định dạng số điện thoại (10 số)                                                                                           | 330.000 VNĐ                                          | Miễn phí                                               |
| Số dư tối thiểu                                                                                                                  |                                                      |                                                        |
| + Tài khoản thanh toán - VND                                                                                                     | 50.000 VNĐ/tài khoản                                 | 50.000 VNĐ/ Tài khoản                                  |
| + Tài khoản thanh toán - USD                                                                                                     | 2 USD/tài khoản                                      | 2 USD/ Tài khoản                                       |
| Số dư trung bình hàng tháng                                                                                                      |                                                      |                                                        |
| + Tài khoản thanh toán - VND                                                                                                     | 1.000.000 VNĐ/tài khoản                              | 1.000.000 VNĐ/ Tài khoản                               |
| + Tài khoản thanh toán - USD                                                                                                     | 50 USD/tài khoản                                     | 50 USD/ Tài khoản                                      |
| Phí quản lý tài khoản hàng tháng<br>(Trong trường hợp Số dư trung bình tháng của Tài khoản thanh toán dưới 1.000.000 VNĐ/50 USD) | 11.000 VNĐ/tháng/tài khoản<br>(hoặc tương đương USD) | 11.000 VNĐ/ Tháng/ Tài khoản<br>(Hoặc tương đương USD) |
| Thay đổi thông tin tài khoản                                                                                                     | Miễn phí                                             | Miễn phí                                               |
| Phong tỏa/ Giải tỏa tài khoản                                                                                                    | Miễn phí                                             | Miễn phí                                               |
| Thay đổi mật khẩu tài khoản                                                                                                      | 44.000 VNĐ/lần yêu cầu                               | Miễn phí                                               |
| Phát hành sổ tài khoản                                                                                                           |                                                      | Miễn phí                                               |
| + Tài khoản không kỳ hạn                                                                                                         | 55.000 VNĐ/sổ tài khoản                              | Miễn phí                                               |
| + Tài khoản có kỳ hạn/ tích lũy                                                                                                  | Miễn phí                                             | Miễn phí                                               |
| Phát hành lại sổ tài khoản do mất/ hư hỏng (tất cả loại sổ)                                                                      | 55.000 VNĐ/sổ tài khoản                              | Miễn phí                                               |
| Xác nhận số dư tài khoản                                                                                                         | 110.000 VNĐ/lần yêu cầu                              | Miễn phí                                               |
| Xác nhận tài khoản                                                                                                               | 110.000 VNĐ/lần yêu cầu                              | Miễn phí                                               |
| Sao kê tài khoản                                                                                                                 | 11.000 VNĐ/tháng sao kê                              | Miễn phí                                               |
| Cấp lại biên lai (Phát hành hơn 3 tháng trước ngày yêu cầu cấp lại)                                                              | 110.000 VNĐ/ lần yêu cầu                             | Miễn phí                                               |
| Duy trì tài khoản không hoạt động                                                                                                | 11.000 VNĐ hoặc 1,1 USD/ tháng/ tài khoản            | Miễn phí                                               |
| Đóng tài khoản dưới 1 năm tính từ ngày mở                                                                                        | 110.000 VNĐ/ tài khoản                               | Miễn phí                                               |
| Phí quản lý khác                                                                                                                 | 110.000 VNĐ/ lần yêu cầu                             | Miễn phí                                               |

**2. KÊNH GIAO DỊCH NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**

|                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>2.1 INTERNET BANKING</b>                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| Phí đăng ký                                                                                                     | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Phí phát hành thẻ mật mã                                                                                        | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Phí phát hành lại thẻ mật mã                                                                                    | 44.000 VNĐ/ thẻ mật mã                                                                                                                                                                                                                                  | 44.000 VNĐ/ Thẻ mật mã      |
| Phí phát hành/ tái phát hành OTP                                                                                | 220.000 VNĐ/ OTP                                                                                                                                                                                                                                        | 220.000 VNĐ/ OTP            |
| Phí phát hành/ tái phát hành A-OTP                                                                              | 550.000 VNĐ/ OTP                                                                                                                                                                                                                                        | 550.000 VNĐ/ OTP            |
| Phí thường niên M-OTP                                                                                           | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Phí thường niên Online A-OTP                                                                                    | 55.000 VNĐ/ năm                                                                                                                                                                                                                                         | 55.000 VNĐ/ Năm             |
| <b>2.2 NGÂN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI</b>                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| Phí đăng ký                                                                                                     | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| <b>2.3 DỊCH VỤ NHẬN THÔNG BÁO</b>                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| Phí đăng ký                                                                                                     | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Phí cung cấp dịch vụ (thu theo số điện thoại và kênh đăng ký nhận thông báo)                                    |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| - Kênh SMS                                                                                                      | ≤ 30 SMS/tháng/thuê bao: 22.000 VNĐ hoặc 0,858 USD/tháng/số điện thoại<br>> 30 SMS/tháng/thuê bao: 22.000 VNĐ hoặc 0,858 USD /tháng/số điện thoại + chi phí tin nhắn phát sinh (770 VNĐ hoặc 0,03 USD x số lượng tin nhắn phát sinh từ tin nhắn thứ 31) | Miễn phí                    |
| - Kênh ZNS                                                                                                      | 10.000 VNĐ hoặc 0,407 USD /tháng/số điện thoại                                                                                                                                                                                                          | Miễn phí                    |
| "Thông báo biến động số dư tài khoản không áp dụng cho những giao dịch có <b>giá trị thấp hơn 100.000 VNĐ</b> " |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| <b>2.4 THẺ SAMSUNG PAY</b>                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| Nạp tiền qua ứng dụng Samsung Pay                                                                               | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Chuyển khoản tới số điện thoại                                                                                  | 8.800 VNĐ/giao dịch                                                                                                                                                                                                                                     | 8.800 VNĐ/ Giao dịch        |
| Chuyển khoản tới số thẻ/số tài khoản ngân hàng khác                                                             | 8.800 VNĐ/giao dịch                                                                                                                                                                                                                                     | 8.800 VNĐ/ Giao dịch        |
| Chuyển khoản nội bộ Shinhan                                                                                     | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Thanh toán POS                                                                                                  | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Phí thường niên                                                                                                 | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| <b>2.5 THANH TOÁN QUA MÃ QR</b>                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| Thanh toán bằng mã QR (ở trong nước)                                                                            | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                    |
| Thanh toán bằng mã QR (ở nước ngoài)                                                                            | 0,22% (Tối thiểu 2.200 VNĐ)                                                                                                                                                                                                                             | 0,22% (Tối thiểu 2.200 VNĐ) |

**3. SÉC TIỀN MẶT SHBVN**

|                                                                                                                                                                        |                                                    |                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Phát hành séc                                                                                                                                                          | 44.000 VNĐ/ quyền séc                              | 44.000 VNĐ/ Quyền séc                   |
| Phí không đủ tiền thanh toán (Thu theo từng tờ séc xuất trình lần thứ 2)                                                                                               | 220.000 VNĐ                                        | 220.000 VNĐ                             |
| Phí dừng thanh toán                                                                                                                                                    | 220.000 VNĐ/ tờ                                    | 220.000 VNĐ/ Tờ                         |
| 4. NỘP TIỀN MẶT                                                                                                                                                        |                                                    |                                         |
| 4.1 BẢNG VND                                                                                                                                                           | Miễn phí                                           | Miễn phí                                |
| Phí kiểm đếm<br>(Áp dụng cho giao dịch nộp tiền mặt từ 500 triệu đồng trở lên và rút tiền hoặc chuyển tiền trong nước trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền) | 0,022%                                             | 0,022%                                  |
| 4.2 BẢNG USD                                                                                                                                                           | Miễn phí                                           | Miễn phí                                |
| 5. RÚT TIỀN MẶT TẠI QUẦY                                                                                                                                               |                                                    |                                         |
| Bảng VNĐ                                                                                                                                                               | Miễn phí                                           | Miễn phí                                |
| Bảng USD                                                                                                                                                               | 0,22% (Tối thiểu 2.2 USD)                          | Miễn phí                                |
| Ngoại tệ khác                                                                                                                                                          | 0,66% (Tối thiểu 2.2 USD)                          | 0,66% (Tối thiểu 2.2 USD)               |
| * Miễn phí rút tiền từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/ tích lũy nếu thời gian thực gửi trên 30 ngày                                                                      |                                                    |                                         |
| 6. CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ                                                                                                                                                 |                                                    |                                         |
| Chuyển khoản nội bộ (Tại quầy/ Internet Banking/ Mobile Banking)                                                                                                       | Miễn phí                                           | Miễn phí                                |
| Chuyển khoản nội bộ theo danh sách (tại quầy)                                                                                                                          | 1.650 VNĐ/ tài khoản                               | Miễn phí                                |
| Chuyển khoản nội bộ tự động                                                                                                                                            | Miễn phí                                           | Miễn phí                                |
| 7. GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN                                                                                                                                               |                                                    |                                         |
| 7.1 NHẬN TIỀN VỀ                                                                                                                                                       |                                                    |                                         |
| 7.1.1. Từ những ngân hàng nước ngoài                                                                                                                                   |                                                    |                                         |
| Tiền về từ ngân hàng Shinhan, Hàn Quốc                                                                                                                                 |                                                    |                                         |
| + Tài khoản người hưởng tại SHBVN                                                                                                                                      |                                                    |                                         |
| * Bảng ngoại tệ                                                                                                                                                        |                                                    |                                         |
| - Người nước ngoài                                                                                                                                                     | 0,11% (Tối thiểu 5.5 USD - Tối đa 33 USD)          | Miễn phí                                |
| - Người Việt Nam                                                                                                                                                       | 0,055% (Tối đa 33 USD)                             | Miễn phí                                |
| * Bảng VNĐ                                                                                                                                                             | Cố định 759,000 VNĐ / giao dịch                    | Miễn phí                                |
| + Tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác tại Việt Nam                                                                                                                |                                                    |                                         |
| * Bảng USD                                                                                                                                                             | 11 USD/ giao dịch cho người Việt Nam               | 11 USD/ Giao dịch cho người Việt Nam    |
|                                                                                                                                                                        | 16,5 USD/ giao dịch cho trường hợp khác            | 16,5 USD/ Giao dịch cho trường hợp khác |
| * Bảng VNĐ                                                                                                                                                             |                                                    |                                         |
| - Dưới 4,5 tỷ VNĐ                                                                                                                                                      | 759.000 VNĐ/ giao dịch                             | 759.000 VNĐ/ Giao dịch                  |
| - Trên 4,5 tỷ VNĐ                                                                                                                                                      | 1.138.500 VNĐ / giao dịch                          | 1.138.500 VNĐ / Giao dịch               |
| * Chuyển tiền nhanh tức thì                                                                                                                                            |                                                    |                                         |
| Tiền về từ Ngân hàng KEB Hana, Chi nhánh Hà Nội                                                                                                                        | Cố định 11 USD                                     |                                         |
| Tiền về từ những ngân hàng khác                                                                                                                                        | Cố định 2,2 USD                                    | Miễn phí                                |
| + Tài khoản người hưởng tại SHBVN                                                                                                                                      |                                                    |                                         |
| - Người nước ngoài                                                                                                                                                     | 0,11% (Tối thiểu 11 USD - Tối đa 55 USD)           | Miễn phí                                |
| - Người Việt Nam                                                                                                                                                       | 0,055% (Tối thiểu 2.2 USD - Tối đa 55 USD)         | Miễn phí                                |
| 7.1.2. Từ những ngân hàng khác trong nước                                                                                                                              | Miễn phí                                           | Miễn phí                                |
| 7.2 CHUYỂN TIỀN ĐI                                                                                                                                                     |                                                    |                                         |
| 7.2.1. Chuyển tiền đi những ngân hàng nước ngoài                                                                                                                       |                                                    |                                         |
| Tài khoản người hưởng tại ngân hàng Shinhan, Hàn Quốc                                                                                                                  |                                                    |                                         |
| * Bảng ngoại tệ                                                                                                                                                        | 0,11% (Tối thiểu 5.5 USD - Tối đa 33 USD)          | Miễn phí                                |
| Tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác                                                                                                                               | 0,11% (Tối thiểu 11 USD - Tối đa 55 USD)           | Miễn phí                                |
| 7.2.2. Chuyển tiền đi các ngân hàng trong nước (Từ Tài khoản)                                                                                                          |                                                    |                                         |
| * Bảng VNĐ                                                                                                                                                             |                                                    |                                         |
| + Dưới 500 triệu VNĐ                                                                                                                                                   |                                                    |                                         |
| - Trước 14:30                                                                                                                                                          | 0,011% (Tối thiểu 22.000 VNĐ)                      | Miễn phí                                |
| - Sau 14:30                                                                                                                                                            | 0,033% (Tối thiểu 33.000 VNĐ)                      | Miễn phí                                |
| + Từ 500 triệu VNĐ trở lên                                                                                                                                             |                                                    |                                         |
| - Trước 14:30                                                                                                                                                          | 0,033% (Tối đa 275.000 VNĐ)                        | Miễn phí                                |
| - Sau 14:30                                                                                                                                                            | 0,044% (Tối đa 440.000 VNĐ)                        | Miễn phí                                |
| + Chuyển tiền nhanh tức thì                                                                                                                                            |                                                    |                                         |
| * Bảng ngoại tệ                                                                                                                                                        | Cố định VND 18.000                                 | Miễn phí                                |
| + Trước 14:30                                                                                                                                                          |                                                    |                                         |
| - Tài khoản người hưởng tại VCB                                                                                                                                        | 4,4 USD                                            | Miễn phí                                |
| - Tài khoản người hưởng ngoài VCB                                                                                                                                      | 6,6 USD                                            | Miễn phí                                |
| + Sau 14:30                                                                                                                                                            | 0,11% (Tối thiểu 5,5 USD - Tối đa 60,5 USD)        | Miễn phí                                |
| 7.3 GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN QUA INTERNET BANKING                                                                                                                         |                                                    |                                         |
| 7.3.1. Chuyển tiền đi những Ngân hàng nước ngoài                                                                                                                       |                                                    |                                         |
| Tài khoản người hưởng tại ngân hàng Shinhan, Hàn Quốc                                                                                                                  |                                                    |                                         |
| Tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác                                                                                                                               | 0,11% (Tối thiểu 11 USD - Tối đa 33 USD)           | Miễn phí                                |
| 7.3.2. Chuyển tiền đi các ngân hàng trong nước                                                                                                                         |                                                    |                                         |
| * Bảng VNĐ                                                                                                                                                             |                                                    |                                         |
| + Trước 14:30                                                                                                                                                          | 0,011% (Tối thiểu 11.000 VNĐ - Tối đa 220.000 VNĐ) | Miễn phí                                |

|                                                                                                                |                                                                                                                             |                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| + Sau 14:30                                                                                                    | 0,022% (Tối thiểu 16.500 VNĐ – Tối đa 330.000 VNĐ)                                                                          | Miễn phí                          |
| * Bảng USD                                                                                                     |                                                                                                                             |                                   |
| + Trước 14:30                                                                                                  |                                                                                                                             |                                   |
| - Tài khoản người hưởng tại VCB                                                                                | 2,2 USD                                                                                                                     | Miễn phí                          |
| - Tài khoản người hưởng ngoài VCB                                                                              | 3,3 USD                                                                                                                     | Miễn phí                          |
| + Sau 14:30                                                                                                    | 0,055% (Tối thiểu 5,5 USD – Tối đa 60,5 USD)                                                                                | Miễn phí                          |
| 7.3.3. Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 (Chuyển tiền nhanh tức thì)                                                 |                                                                                                                             |                                   |
| - Từ dưới 500.000 VNĐ                                                                                          | Cố định 1.650 VNĐ                                                                                                           | Miễn phí                          |
| - Từ 500.001 VNĐ đến 2.000.000 VNĐ                                                                             | Cố định 5.000 VNĐ                                                                                                           | Miễn phí                          |
| - Từ 2.000.001 VNĐ đến 300.000.000 VNĐ                                                                         | Cố định 9.900 VNĐ                                                                                                           | Miễn phí                          |
| - Từ 300.000.001 đến 499.999.999 VNĐ                                                                           | Cố định 12.000 VNĐ                                                                                                          | Miễn phí                          |
| 7.4 TRA SOÁT – TU CHÍNH – HỦY GIAO DỊCH – HOÀN TRẢ                                                             |                                                                                                                             |                                   |
| 7.4.1. Tra soát giao dịch chuyển tiền đến                                                                      | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| 7.4.2. Tu chỉnh lệnh chuyển tiền đi                                                                            |                                                                                                                             |                                   |
| Nước ngoài                                                                                                     | 11 USD/yêu cầu                                                                                                              | 11 USD/ Yêu cầu                   |
| Trong nước                                                                                                     |                                                                                                                             |                                   |
| + Bảng VNĐ                                                                                                     | 27.500 VNĐ/ yêu cầu                                                                                                         | 27.500 VNĐ/ Yêu cầu               |
| + Bảng ngoại tệ                                                                                                | 3,3 USD/ yêu cầu                                                                                                            | 3,3 USD/ yêu cầu                  |
| 7.4.3. Hủy lệnh chuyển tiền đi                                                                                 | Phí thực tế giao dịch                                                                                                       | Phí thực tế giao dịch             |
| 7.4.4. Hoàn trả lệnh chuyển tiền đến                                                                           |                                                                                                                             |                                   |
| Nước ngoài                                                                                                     | Như phí giao dịch chuyển tiền đến                                                                                           | Như phí giao dịch chuyển tiền đến |
| Trong nước                                                                                                     | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| 7.5 DỊCH VỤ KHÁC                                                                                               |                                                                                                                             |                                   |
| 7.5.1. Phí xác nhận                                                                                            | Cố định 110.000 VNĐ                                                                                                         | Cố định 110.000 VNĐ               |
| 7.5.2. Phí chuyển nguyên số tiền theo yêu cầu của người chuyển (*)                                             |                                                                                                                             |                                   |
| Nước ngoài                                                                                                     |                                                                                                                             |                                   |
| + Phí chuyển nguyên số tiền đến Ngân hàng trung gian đầu tiên                                                  | Từ 5,5 USD                                                                                                                  | Từ 5,5 USD                        |
| + Phí chuyển nguyên số tiền đến người hưởng cuối cùng                                                          | Từ 27,5 USD                                                                                                                 | Từ 27,5 USD                       |
| Trong nước                                                                                                     | Từ 0,33 USD                                                                                                                 | Từ 0,33 USD                       |
| (*) Mức phí sẽ tùy thuộc vào từng Ngân hàng hưởng và chính sách ghi có nguyên số tiền của từng Ngân hàng hưởng |                                                                                                                             |                                   |
| 8. THẺ ATM                                                                                                     |                                                                                                                             |                                   |
| Phí phát hành thẻ lần đầu                                                                                      | 88.000 VNĐ/ thẻ                                                                                                             | Miễn phí                          |
| Phí phát hành thẻ từ lần 2/Phí cấp lại thẻ                                                                     | 88.000 VNĐ/ thẻ                                                                                                             | Miễn phí                          |
| Phí cài đặt lại mã PIN                                                                                         | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| Phí thường niên                                                                                                | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| Phí rút tiền mặt                                                                                               |                                                                                                                             |                                   |
| + ATM của ngân hàng Shinhan                                                                                    | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| + ATM của ngân hàng khác                                                                                       | 3.300 VNĐ/giao dịch                                                                                                         | Miễn phí                          |
| Phí truy vấn số dư                                                                                             |                                                                                                                             |                                   |
| + ATM của ngân hàng Shinhan                                                                                    | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| + ATM của ngân hàng khác                                                                                       | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| Phí in hóa đơn giao dịch                                                                                       | Miễn phí                                                                                                                    | Miễn phí                          |
| Phí tra soát (trường hợp lỗi do Khách hàng)                                                                    | 55.000 VNĐ/ giao dịch                                                                                                       | 55.000 VNĐ/ Giao dịch             |
| Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 từ dưới 500.000 VNĐ                                                                | Cố định 1.650 VNĐ                                                                                                           | Miễn phí                          |
| Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 từ 500.001 VNĐ đến 2.000.000 VNĐ                                                   | Cố định 5.000 VNĐ                                                                                                           | Miễn phí                          |
| Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 từ 2.000.001 VNĐ đến 50.000.000 VNĐ                                                | Cố định 9.900 VNĐ                                                                                                           | Miễn phí                          |
| 9. THẺ QUỐC TẾ SHINHAN                                                                                         |                                                                                                                             |                                   |
| Thẻ Tín dụng/Ghi nợ Quốc Tế                                                                                    | Xem tại đây                                                                                                                 |                                   |
| 10. TÍN DỤNG                                                                                                   |                                                                                                                             |                                   |
| Phí trả nợ trước hạn                                                                                           |                                                                                                                             |                                   |
| + Vay tín chấp                                                                                                 | Năm 1 – năm 3: 3% trên tổng dư nợ còn lại. Sau đó: Không thu phí                                                            |                                   |
| + Vay thế chấp                                                                                                 | Theo từng thời điểm và sản phẩm tín dụng.                                                                                   |                                   |
| + Vay mua xe                                                                                                   | Phí trả nợ trước hạn sẽ được nêu rõ trên hợp đồng tín dụng                                                                  |                                   |
| 11. DỊCH VỤ KHÁC (*)                                                                                           |                                                                                                                             |                                   |
| Phí cấp Giấy xác nhận thông tin khoản vay<br>Phí sao y bản chính tại Ngân hàng                                 | Đối với mỗi lượt yêu cầu:<br>110.000 VNĐ/ Bản đầu tiên;<br>55.000 VNĐ/ Bản, từ Bản thứ 2                                    |                                   |
| Phí xuất mượn hồ sơ tài sản bảo đảm để sao y công chứng tại bên thứ ba                                         | Bộ sao y đầu tiên:<br><10 trang: 110.000 VNĐ; ≥10 trang: 330.000 VNĐ<br>Từ bộ thứ hai: Mỗi bộ = 30% mức phí của bộ đầu tiên |                                   |
| Phí phát hành Giấy xác nhận/ Đồng ý liên quan đến tài sản bảo đảm                                              | 550.000 VNĐ/ TSĐB                                                                                                           |                                   |
| Phí xuất mượn hồ sơ tài sản bảo đảm là Bất động sản để Chứng minh tài chính/ Cập nhật biến động                | Cùng tỉnh thành: 2.200.000 VNĐ/ TSĐĐ<br>Khác tỉnh thành: 3.300.000 VNĐ/ TSĐĐ                                                |                                   |
| Phí thay đổi tài sản bảo đảm                                                                                   | 3.300.000 VNĐ/ TSĐĐ<br>Phí áp dụng trên mỗi tài sản mới                                                                     |                                   |
| Phí xuất mượn giấy Chứng nhận Đăng ký xe Ô tô để làm thủ tục hoàn cải/ đối chiếu với cơ quan chức năng         | 1.100.000 VNĐ/ TSĐĐ                                                                                                         |                                   |
| Phí phát hành Biên nhận thế chấp đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô                                            | Phát hành lần đầu/ Phát hành gia hạn hiệu lực: không thu phí                                                                |                                   |

(\*) Điều kiện & Điều khoản áp dụng:  
+ Ngân hàng có quyền cung cấp/ không cung cấp dịch vụ cho từng trường hợp cụ thể.  
+ Đối với các dịch vụ Xuất mượn Hồ sơ bản gốc: chỉ các cá nhân được ủy quyền (Nhân viên Ngân hàng hoặc Bên thứ ba có liên kết cung cấp dịch vụ pháp lý với Ngân hàng) được trực tiếp cầm hồ sơ bản gốc đi cùng Khách hàng để xuất trình/ nộp cho cơ quan chức năng. Sau khi thực hiện xong dịch vụ, cá nhân được ủy quyền nêu trên sẽ trực tiếp mang Giấy hẹn bản gốc/ Hồ sơ bản gốc về lưu kho tại Ngân hàng.

| 12. MẠNG LƯỚI ATM CỦA SHINHAN                                                    |                                       |  |
|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--|
| Phí kiểm tra số dư tài khoản bằng thẻ phát hành tại ngân hàng khác               | Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành |  |
| Phí rút tiền mặt bằng thẻ ATM phát hành tại ngân hàng khác                       | Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành |  |
| Phí rút tiền mặt bằng thẻ Visa/Master phát hành tại ngân hàng khác tại Việt Nam  | Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành |  |
| Phí rút tiền mặt bằng thẻ Visa/Master phát hành phát hành tại tại Nước Ngoài     | 50,000 VND/ Giao dịch                 |  |
| Chuyển tiền ngoại mạng bằng thẻ ATM(*) phát hành tại ngân hàng khác              | Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành |  |
| (*) Chỉ áp dụng cho tài khoản thụ hưởng là tài khoản tại Ngân Hàng phát hành thẻ |                                       |  |

QUY ĐỊNH CHUNG

- 1. Biểu phí giao dịch trên đây áp dụng cho các giao dịch thông thường tại Ngân hàng. Các chi phí khác như phí đóng dấu, điện phí, ngân hàng đại lý...sẽ được thu phụ trội theo thỏa thuận khi cần thiết.
- 2. Các khoản phí đã thu sẽ không hoàn trả cho khách hàng ngay cả trong trường hợp có yêu cầu hủy giao dịch.
- 3. Trường hợp khách hàng thanh toán phí bằng loại tiền khác với biểu phí quy định thì tỉ giá được công bố bởi Ngân hàng Shinhan Việt Nam sẽ được áp dụng.
- 4. Tất cả các phí và phí tổn được áp dụng tại thời điểm công bố và được thay đổi không cần báo trước.
- 5. Tất cả các phí và phí tổn đã bao gồm thuế GTGT trừ những trường hợp được nêu cụ thể.